

Bản án số: 311/2017/HSST
Ngày 29-11-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Liễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Nam, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Trọng An - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 318/2017/HSST ngày 23 tháng 10 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 334/2017/HSST-QĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Minh T, sinh năm 1992 tại tỉnh Vĩnh Long; thường trú: Ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1965; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 02/8/2017, có mặt.

- Người bị hại: Ông Dương Văn C, sinh năm 1968; thường trú: Số 66/8C, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Bùi Quang V, sinh năm 1970; thường trú: Số 24D, đường H, Quận L, Thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1/ Ông Nguyễn Trọng L, sinh năm 1974; thường trú: Số 33/8, khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2/ Ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1962; thường trú: Số 66/82, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

3/ Ông Nguyễn Nhật H, sinh năm 1986; thường trú: Số 16/20, khu phố 8, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 02/8/2017, Nguyễn Minh T đi bộ từ phòng trọ ở phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương tìm tài sản chiếm đoạt. Khi đi đến nhà số 66/8C, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương, Nguyễn Minh T thấy xe mô tô hiệu Astrea biển số 16F8-7212 của ông Dương Văn C không khóa cổ, dựng ở đầu đường ngay bên hông nhà. Nguyễn Minh T đi đến dùng tay quay đầu xe ra đường, đẩy xe đến tiệm sửa xe “M” ở số 66/82, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương do ông Huỳnh Văn M làm chủ để mở khóa xe nhưng ông M không đồng ý. Lúc này, ông Dương Văn C đi tìm xe, thấy T đang ngồi trên xe mô tô ở trong tiệm sửa xe nên đã tri hô cùng mọi người bắt giữ T cùng tang vật.

Theo kết luận định giá số 197/BB.ĐG ngày 15/8/2017 của Hội đồng định giá thị xã D kết luận: Xe mô tô hiệu Astrea biển số 16F8-7212, trị giá 2.400.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá số 197/BB.ĐG ngày 15/8/2017 của Hội đồng định giá thị xã D nêu trên.

Tại cáo trạng số 301/QĐ - KSĐT ngày 19 tháng 10 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Minh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức án từ 03 tháng 27 ngày tù đến 04 tháng tù.

Tại phiên tòa, bị cáo xin được Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền,

trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng cũng không khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Chứng cứ xác định có tội: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 02/8/2017, bên hông nhà số 66/8C, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương, Nguyễn Minh T dùng hai tay quay đầu xe mô tô hiệu Astrea biển số 16F8-7212 của ông Dương Văn C đẩy ra đường đến tiệm sửa xe “M” ở số 66/82 khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương do ông Huỳnh Văn M làm chủ để mở khóa xe nhưng ông M không đồng ý thì bị ông Dương Văn C cùng mọi người bắt giữ T cùng tang vật.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự thì “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm*”. Như vậy, hành vi của bị cáo lén lút chiếm đoạt tài sản của người bị hại có trị giá 2.400.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số 301/QĐ - KSĐT ngày 19 tháng 10 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người đã thành niên nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì tham lam, lười lao động, bị cáo đã cố tình vi phạm. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo được xem xét khi quyết định hình phạt: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản đã thu hồi trả lại cho người bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[6] Về nhân thân: Bị cáo là người không có nghề nghiệp, chưa có tiền án, tiền sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án là xe mô tô hiệu Astrea biển số 16F8-7212 do ông Bùi Quang V đứng tên Giấy chứng nhận đăng ký mô tô xe máy đã bán cho ông Dương Văn C nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Tài sản đã thu hồi trả lại cho ông C, tại cơ quan điều tra ông C không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xét bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Xét thời hạn tạm giam đã đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định, xử phạt bị cáo bằng thời gian đã tạm giam cũng không làm ảnh hưởng đến tình hình phòng chống tội phạm tại địa phương, tuyên trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu không bị tạm giam về tội phạm khác.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 5 Điều 227 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 03 (ba) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/8/2017, được khấu trừ vào thời gian tạm giam, bị cáo đã chấp hành xong.

Trả tự do cho bị cáo Nguyễn Minh T ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Minh T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo (01);
- Người tham gia tố tụng (02);
- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- Công an thị xã Dĩ An (01);
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- UBND xã L; (01);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD (01);
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD (01);
- Lưu: V.Thư, HSVA (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Liễu

